

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DSST

Ngày: 10/4/2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản và nợ hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G không tham gia phiên tòa.

Ngày 10/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS, ngày 07/3/2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lư Tú H - sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Lý Nguyệt A (tên thường gọi C) - sinh năm 1971 (có mặt) và ông Hứa Vĩnh T - sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lư Tú H trình bày: Vào ngày 01/9/2003 âm lịch vợ chồng bà Lý Nguyệt A và chồng là ông Hứa Vĩnh T có tổng kết số tiền thiếu nợ hui của tôi là 105.171.000đ (một trăm lẻ năm triệu một trăm bảy mươi một ngàn) và có làm biên nhận nợ bằng viết tay cho tôi. Ngoài tiền hui bà A và ông T còn nợ tiền vay của tôi là 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng 2 khoản là 124.671.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng). Qua nhiều năm sau, bà A trình bày hoàn cảnh khó khăn nên không có điều kiện trả nợ cho tôi đến ngày 28/02/2011 âm lịch bà

A có trả cho tôi được 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng), từ đó đến nay tôi có đến gặp bà A và chồng đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà A ông T không có trả thêm cho tôi lần nào. Hiện nay vợ chồng bà A và ông T còn nợ tôi 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T phải trả cho bà số tiền nợ vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ, tổng cộng là 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng) và trả một lần dứt nợ, bà H không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai đề ngày 14/3/2019 cũng như tại phiên hòa giải ngày 20/3/2019 bị đơn bà Lý Nguyệt Anh trình bày: Tôi thừa nhận tôi có vay của bà Lư Tú H số tiền 19.500.000đ, ngoài ra bà H có tham gia chơi hụi (tay em) do tôi làm chủ chốt hụi ngày 01/9/2003 số tiền nợ hụi tôi còn nợ lại bà H là 105.171.000đ, tổng cộng hai khoản là 124.671.000đ, trừ đi số tiền tôi đã trả là 7.200.000đ, số tiền còn nợ lại tổng cộng là 117.471.000đ (Một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng). Tôi thống nhất số tiền trên, tôi thừa nhận tôi có nợ bà H số tiền 117.471.000đ (Một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả tiền vốn hụi là 70.005.000đ (bảy mươi triệu lăm năm đồng) và tiền vay là 19.500.000đ, tổng cộng 89.505.000đ (tám mươi chín triệu năm trăm lăm ngàn đồng) và cho tôi được trả dần mỗi mỗi năm là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trả cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa bà Lý Nguyệt A đồng ý trả cho bà Lư Tú H số tiền nợ vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ, tổng cộng là 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng), bà A không yêu cầu tính lại trên số tiền gốc nhưng bà A xin cho vợ chồng bà được trả dần mỗi năm là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), 3 tháng trả một lần mỗi lần 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trả cho đến khi dứt số nợ 117.471.000đ.

Tại bản tự khai đề ngày 15/3/2019 đồng bị đơn ông Hứa Vĩnh T cũng thống nhất với lời trình bày của bà Lý Nguyệt A và thống nhất cùng chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà H nên ông không có ý kiến thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên bà Lư Tú H khởi kiện bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Nợ hụi được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên Tòa, ông Hứa Vĩnh T là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Thời gian vào năm 2003, giữa bà Lư Tú H với vợ chồng bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau và bà H có tham gia chơi hụi (tay em) do bà Nguyệt Anh làm chủ. Bà H cho bà Nguyệt Anh, ông T vay không tính lãi số tiền 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) và bà H tham gia chơi hụi do bà Nguyệt Anh làm chủ hụi đến thời điểm chốt hụi ngày 01/9/2003 tổng cộng là 105.171.000đ (một trăm lẻ năm triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng), tổng cộng 2 khoản là 124.671.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng). Hình thức hợp đồng là biên nhận (giấy tay) do bà Nguyệt Anh viết nhưng chỉ ghi số tiền nợ, không ghi thời gian trả nợ nhưng đến ngày 28/02/2011 âm lịch bà Nguyệt Anh có trả cho bà H được 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng), số tiền còn nợ lại 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) kéo dài nhiều năm cho đến nay bà Nguyệt Anh và ông T không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên dẫn đến tranh chấp. Xét về nội dung, hình thức của hợp đồng vay tài sản và nợ hụi được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với Điều 471, 479 BLDS 2005 cũng như 463 BLDS năm 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng bà Nguyệt Anh, ông T phải trả cho bà số tiền còn nợ gồm nợ vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ, tổng cộng 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). HĐXX thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2019, bà Nguyệt Anh và ông T thừa nhận còn nợ bà H số tiền 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) gồm nợ vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà xin trả tiền vốn hụi là 70.005.000đ (bảy mươi triệu lăm năm đồng) và tiền vay là 19.500.000đ, tổng cộng 89.505.000đ (tám mươi chín triệu năm trăm lăm ngàn đồng), và xin cho vợ chồng ông bà được trả dần mỗi năm là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trả cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa bà Lý Nguyệt A đồng ý trả cho bà Lư Tú H số tiền nợ vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ, tổng cộng là 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng), bà A không yêu cầu tính lại trên số tiền gốc nhưng bà A xin cho vợ chồng bà được trả dần mỗi năm là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), 3 tháng trả một lần mỗi lần 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trả cho đến khi dứt số nợ 117.471.000đ. Việc này không được bà H chấp nhận vì thời gian thiếu nợ đã kéo dài nhiều năm, bà Nguyệt Anh và ông T cũng không có thiện chí trả nợ cho bà nên bà yêu cầu phải trả nợ ngay, không đồng ý cho hẹn nữa. Cho nên cả bà Nguyệt Anh và ông T đều đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản và nợ hụi với bà Lư Tú H nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

Căn cứ vào Điều 474, 479 BLDS năm 2005 thì việc buộc bà Nguyệt Anh cùng ông T có nghĩa vụ trả số tiền 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) gồm tiền vay là 19.500.000đ, tiền nợ hụi 97.971.000đ cho bà H là phù hợp, yêu cầu khởi kiện của bà Lư Tú H là có cơ sở. Do đó, HĐXX không có cơ sở chấp nhận ý kiến xin trả dần của bà Nguyệt Anh và ông T.

[4] Về án phí: Bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T có đơn xin miễn tiền án phí nhưng ông bà không thuộc diện được miễn án phí. Do đó, bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T phải chịu án phí dân sự trong tổng số tiền phải trả bằng 5.873.000đ (117.471.000đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 471, Điều 474 và 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Buộc bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lu Tú H số tiền 117.471.000đ (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó nợ vay là 19.500.000đ (mười chín triệu, năm trăm ngàn đồng), tiền nợ hui 97.971.000đ (chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lý Nguyệt A, ông Hứa Vĩnh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Nguyệt A và ông Hứa Vĩnh T phải nộp án phí sơ thẩm bằng 5.873.000đ (năm triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Kim Nhập